

Số: 287/2026/QĐST- HNGĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 122/2026TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2026 V/v “Tranh chấp ly hôn”, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Thái Thị Mai T, sinh năm 1996; số CCCD: 084196010342, cấp ngày 13/8/2021, nơi cấp Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; Địa chỉ cư trú: Số A, khóm V, phường H, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Đức T1, sinh năm 1985; số CCCD: 079085010373, cấp ngày 18/8/2025, nơi cấp Bộ Công an; Địa chỉ cư trú: Số B, H, Ấp A, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:
Bà Thái Thị Mai T và ông Nguyễn Đức T1
- Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về quan hệ hôn nhân: Bà Thái Thị Mai T và ông Nguyễn Đức T1 thuận tình ly hôn.
 - Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Thiện M, sinh ngày 28/10/2016 cho bà

Thái Thị Mai T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng cho con.

Ông Nguyễn Đức T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Bà Thái Thị Mai T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3. Về tài sản chung: Bà T và ông T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn) đồng do bà Thái Thị Mai T tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003758 ngày 13/01/2026 của Thị hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; H lại cho bà Thái Thị Mai T 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền nêu trên.

4. Giấy chứng nhận kết hôn số: 64/2016 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là phường H, tỉnh Vĩnh Long) cấp ngày 21/5/2016 không còn hiệu lực kể từ ngày Tòa án ban hành Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân phường Hòa Thuận, tỉnh Vĩnh Long;
(theo giấy CNKH số 64/2016 do UBND xã Hòa Thuận
Huyện Châu Thành, Trà Vinh, cấp ngày 21/5/2016);
- Đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Long Sơn